TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA CÔNG NGHỆ HÓA

KẾ HOẠCH THI GIỮA KỲ
HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)

Lớp học	Mã LHP	Môn học	Nhóm	Thứ	Tiết	LT	Số phòng	Số ca	S.số	Giảng viên	Ngày thi	Phòng học	Ghi chú
DHDBTP13A	210461301	Điện hóa và hóa keo (30;0)		4	8 - 9	30	2	1	44	Đoàn Văn Đạt	26/09/2018	D12.01	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO13A	210442101	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)	1	8	3 - 5	45	1	2	55	Nguyễn Hoàng Minh	30/09/2018		Thi tập trung
DHHO13ATT	250442101	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)		8	3 - 5	45	1	1	35	Nguyễn Hoàng Minh	30/09/2018		Thi tập trung
DHHO13B	210442102	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)	1	8	3 - 5	45	1	2	55	Nguyễn Minh Quang	30/09/2018		Thi tập trung
DHHO13C	210442103	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)		8	3 - 5	45	1	2	55	Nguyễn Hoàng Minh	30/09/2018		Thi tập trung
DHHO13D	210442104	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)		8	3 - 5	45	1	2	55	Nguyễn Minh Quang	30/09/2018		Thi tập trung
2104421	210442106	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)		8	3 - 5	45	1	2	48	Nguyễn Trọng Tăng	30/09/2018		Thi tập trung
DHHO13A	210442105	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)	2	8	3 - 5	30	1	2	50	Đoàn Văn Đạt	30/09/2018		Thi tập trung
DHPT12_HL, HL1	210442107	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)		8	3 - 5	45	1	2	50	Nguyễn Trọng Tăng	30/09/2018		Thi tập trung
DHTP13A	210461501	Hóa lý và hóa keo (30;0)		6	2 - 3	30	2	1	55	Đỗ Thị Long	05/10/2018	A3.05	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO13A	210441901	Hóa hữu cơ (60;0)		3	1 - 2	30	2	1	55	Nguyễn Văn Bời	02/10/2018	X11.04	
DHHO13B	210441902	Hóa hữu cơ (60;0)		3	4 - 5	30	2	1	55	Nguyễn Văn Bời	02/10/2018	X11.05	
DHHO13C	210441903	Hóa hữu cơ (60;0)		4	1 - 2	30	2	1	55	Võ Uyên Vy	03/10/2018	X11.06	
DHHO13D	210441904	Hóa hữu cơ (60;0)	1	4	4 - 5	30	2	1	55	Huỳnh Ngọc Châu	03/10/2018	X11.07	
DHHO11E, CNCBK	210440805	Công nghệ chế biến khí (60;0)		8	1 - 2	30	3	4	41	Đỗ Qúy Diễm	07/10/2018	X11.04	
DHHO13ATT, HHC	250441901	Hóa hữu cơ (60;0)		5	6 - 7	30	1	1	36	Trần Thị Thanh Nhã	04/10/2018	B2.09 CLC	
DHTP13A, HHC	210412701	Hóa hữu cơ (30;0)		6	9 - 10	30	2	1	60	Huỳnh Ngọc Châu	05/10/2018	D10.01	
DHDBTP13A	210461201	Hóa phân tích (30;30)		6	4 - 5	30	1	1	38	Đỗ Thị Long	05/10/2018	X13.08	
DHTP13ATT	250461501	Hóa lý và hóa keo (30;0)	1	4	4 - 5	30	2	1	51	Trần Nguyễn Minh Ân	03/10/2018	B4.09 CLC	
DHTP13C	210461503	Hóa lý và hóa keo (30;0)		6	2 - 3	30	2	1	55	Trần Nguyễn Minh Ân	05/10/2018	A3.06	
DHTP13D	210461504	Hóa lý và hóa keo (30;0)		6	4 - 5	30	2	1	55	Trần Nguyễn Minh Ân	05/10/2018	A3.04	
DHHO11E	210443105	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		4	3 - 4	30	1	1	34	Phạm Hoàng ái Lệ	03/10/2018	X11.04	
DHHO12ATT	250440501	Các quá trình và thiết bị cơ học (45;0)		8	2 - 3	45	1	1	34	Trương Văn Minh	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO12B	210440502	Các quá trình và thiết bị cơ học (45;0)		8	2 - 3	45	2	1	55	Trần Ngọc Thắng	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO12C	210440503	Các quá trình và thiết bị cơ học (45;0)	1	8	2 - 3	45	2	1	55	Võ Thanh Hưởng	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO12A, cac QTTB co hoc	210440501	Các quá trình và thiết bị cơ học (45;0)		8	2 - 3	45	2	1	55	Trần Ngọc Thắng	14/10/2018		Thi tập trung
DHTP13A	210564001	Kỹ thuật thực phẩm 1 (45;0)		8	2 - 3	45	2	1	70	Trương Văn Minh	14/10/2018		Thi tập trung

DHTP13ATT	250564001	Kỹ thuật thực phẩm 1 (45;0)	1	8	2 - 3	45	1	1	27	Võ Thanh Hưởng	14/10/2018		Thi tập trung
DHTP13ATT	250564002	Kỹ thuật thực phẩm 1 (45;0)	2	8	2 - 3	45	1	1	24	Lê Nhất Thống	14/10/2018		Thi tập trung
DHTP13B	210564002	Kỹ thuật thực phẩm 1 (45;0)		8	2 - 3	45	2	1	70	Trần Ngọc Thắng	14/10/2018		Thi tập trung
2104425	210442506	Hóa vô cơ (45;0)		8	4 - 5	45	1	1	19	Phùng T.Cẩm Loan	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO13B	210442502	Hóa vô cơ (45;0)	1	8	4 - 5	45	2	1	55	Bùi Thị Diễm	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO13C	210442503	Hóa vô cơ (45;0)		8	4 - 5	45	2	1	55	Nguyễn Thị Mai Thơ	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO13D	210442504	Hóa vô cơ (45;0)		8	4 - 5	45	2	1	55	Phùng T.Cẩm Loan	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO13A, HVC	210442501	Hóa vô cơ (45;0)		8	4 - 5	45	2	1	55	Trần Thị Diệu Thuần	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO13ATT, HVC	250442501	Hóa vô cơ (45;0)		8	4 - 5	45	1	1	33	Bùi Thị Diễm	14/10/2018		Thi tập trung
DHHO13B	210442505	Hóa vô cơ (45;0)	2	8	4 - 5	45	2	1	50	Trần Thị Diệu Thuần	14/10/2018		Thi tập trung
DHTP13ATT, HPT	250412901	Hóa phân tích (30;0)		3	10 - 11	30	2	1	60	Bùi Thị Thu Thủy	09/10/2018	B4.01 CLC	
DHTP13C	210460403	Hóa phân tích (30;0)		3	4 - 5	30	1	1	34	Bùi Thị Thu Thủy	09/10/2018	X13.02	
DHHO12A	210441801	Hóa học xanh (45;0)		8	3 - 4	45	2	1	49	Đỗ Qúy Diễm	14/10/2018	X11.02	
DHHO12B	210441802	Hóa học xanh (45;0)		8	3 - 4	45	2	1	50	Đỗ Qúy Diễm	14/10/2018	V12.01	
DHHO12D	210441804	Hóa học xanh (45;0)		8	3 - 4	45	1	1	34	Đỗ Qúy Diễm	14/10/2018	X11.07	
DHTP13D	210460404	Hóa phân tích (30;0)		2	1 - 2	30	2	1	55	Bùi Thị Thu Thủy	08/10/2018	D11.02	
DHPT11A	210442601	Kiểm soát chất lượng trong hóa phân tích (45;0)		2	6 - 8	45	1	2	68	Trần Cẩm Thuý	08/10/2018	X11.03	
DHPT12A	210444301	Phân tích trắc quang (45;0)	1	3	6 - 8	45	1	2	48	Đỗ Thị Long	09/10/2018	X11.04	
DHPT12A	210444302	Phân tích trắc quang (45;0)	2	3	3 - 5	45	1	1	30	Đỗ Thị Long	09/10/2018	D11.04	
DHTP13A	210460401	Hóa phân tích (30;0)		4	3 - 4	30	2	1	55	Vũ Thị Hoa	10/10/2018	V14.01	
CDHO18A, truyen nhiet	110455901	Truyền nhiệt (30;0)		3	8 - 9	30	1	1	13	Nguyễn Minh Tiến	09/10/2018	X11.02	
DHPT11A	210444101	Phương pháp phân tích phổ nguyên tử (60;0)		4	6 - 7	30	2	1	70	Nguyễn Quốc Thắng	10/10/2018	X11.08	
DHPT12A	210444201	Phương pháp sắc ký (60;0)	1	5	9 - 10	30	2	1	43	Nguyễn Văn Trọng	11/10/2018	X11.05	
DHPT12A	210444202	Phương pháp sắc ký (60;0)	2	5	6 - 7	30	1	1	30	Nguyễn Văn Trọng	11/10/2018	X11.05	
2104467	210446701	Truyền khối (45;0)		8	6 - 8	45	1	2	50	Cao Thanh Nhàn	14/10/2018	A3.07	
DHHO11E, CNLD	210441005	Công nghệ lọc dầu (60;0)		2	3 - 4	30	1	1	35	Trần Thị Hồng	08/10/2018	X11.03	
2504467	250446701	Truyền khối (45;0)		8	9 - 11	45	1	1	15	Cao Thanh Nhàn	14/10/2018	B2.07 CLC	
DHDBTP13A	210460201	Hóa hữu cơ (30;0)		5	8 - 9	30	2	1	55	Ng Thị Thanh Tâm	11/10/2018	D11.04	
DHTP13ATT	250460201	Hóa hữu cơ (30;0)		2	1 - 2	30	2	1	52	Huỳnh Ngọc Châu	08/10/2018	B3.10 CLC	
DHTP13B	210460203	Hóa hữu cơ (30;0)		4	3 - 4	30	2	1	55	Ng Thị Thanh Tâm	10/10/2018	V14.03	
DHTP13B	210460402	Hóa phân tích (30;0)		4	1 - 2	30	2	1	55	Vũ Thị Hoa	10/10/2018	V14.03	
DHTP13D	210460205	Hóa hữu cơ (30;0)		2	3 - 4	30	2	1	49	Huỳnh Ngọc Châu	08/10/2018	X13.07	
CDHO18A, truyen khoi	110456001	Truyền khối (30;0)		5	6 - 7	30	1	1	11	Nguyễn Hữu Trung	18/10/2018	A1.03	
DHHO12ATT	250446801	Truyền nhiệt (45;0)		5	6 - 8	45	1	1	35	Trần Hoài Đức	18/10/2018	B2.08 CLC	
DHHO12B	210446802	Truyền nhiệt (45;0)		4	9 - 11	45	1	2	55	Phạm Văn Hưng	17/10/2018	A2.06	

DHHO12BTT	250446802	Truyền nhiệt (45;0)		5	9 - 11	45	1	1	22	Phạm Văn Hưng	18/10/2018	B1.01 CLC	
DHHO12C	210446803	Truyền nhiệt (45;0)		6	6 - 8	45	1	2	55	Nguyễn Minh Tiến	19/10/2018	X11.04	
DHHO12D	210446804	Truyền nhiệt (45;0)		6	9 - 11	45	1	2	41	Nguyễn Minh Tiến	19/10/2018	X10.04	
DHHO14A	210461001	Hóa học đại cương (30;30)		6	2 - 3	30	2	1	60	Nguyễn Văn Bời	19/10/2018	V6.01	
DHHO14B	210461002	Hóa học đại cương (30;30)		6	4 - 5	30	2	1	60	Nguyễn Văn Bời	19/10/2018	V4.01	
DHHO14C	210461003	Hóa học đại cương (30;30)		2	6 - 7	30	2	1	60	Nguyễn Thị Mai Thơ	15/10/2018	A3.06	
DHHO14D	210461004	Hóa học đại cương (30;30)		3	2 - 3	30	2	1	60	Bùi Thị Diễm	16/10/2018	X12.02	
DHPT12A	210447101	Xử lý số liệu và quy hoạch hoá thực nghiệm (45;0)	1	5	6 - 8	45	1	1	27	Nguyễn Quốc Thắng	18/10/2018	X11.06	
DHPT12A	210447102	Xử lý số liệu và quy hoạch hoá thực nghiệm (45;0)	2	5	9 - 11	45	1	1	17	Nguyễn Quốc Thắng	18/10/2018	X11.06	
DHHO12A, truyen nhiet	210446801	Truyền nhiệt (45;0)		4	6 - 8	45	1	2	55	Phạm Văn Hưng	17/10/2018	X11.05	
DHMT13A	210465001	Quá trình và thiết bị môi trường (45;30)		6	9 - 11	45	1	2	55	Cao Thanh Nhàn	19/10/2018	X12.07	
DHHO14ATT	250461001	Hóa học đại cương (30;30)		2	2 - 3	30	1	1	40	Nguyễn Thị Mai Thơ	15/10/2018	B2.13	
DHHO11B	210443103	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		5	3 - 5	36	1	2	55	Triệu Quang Tiến	25/10/2018	X11.01	
DHHO11CTT	250443103	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		5	6 - 7	24	1	1	16	Triệu Quang Tiến	25/10/2018	A6.03	
DHHO11D	210443104	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		5	8 - 10	36	1	2	46	Nguyễn Thị Liễu	25/10/2018	X11.04	
DHHO11DTT	250443104	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		5	6 - 7	24	1	1	40	Nguyễn Thị Liễu	25/10/2018	B2.07 CLC	
DHHO11ATT	250443101	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		2	9 - 10	24	1	1	32	Võ Thành Công	29/10/2018	B1.02 CLC	
DHHO11D	210440204	Ăn mòn và bảo vệ vật liệu (60;0)		6	6 - 7	24	1	1	39	Đoàn Mạnh Tuấn	02/11/2018	X11.03	
DHHO11A, KTXT	210443101	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		5	1 - 2	36	2	1	55	Khưu Châu Quang	01/11/2018	A4.01	
DHHO11DTT, An mon BVVL	250440204	Ăn mòn và bảo vệ vật liệu (60;0)		6	8 - 10	36	1	1	32	Đoàn Mạnh Tuấn	02/11/2018	B2.03 CLC	
DHHO11DTT	250441204	Công nghệ sản xuất phân bón (60;0)		5	8 - 10	36	1	1	30	Phạm Thành Tâm	#VALUE!	B2.07 CLC	PBL
DHHO11A	210442801	Kỹ thuật nhuộm (60;0)		5	3 - 5	36	1	2	53	Phạm T.Hồng Phượng	#VALUE!	X10.06	Thay bằng hình thức khác
DHHO11B	210442802	Kỹ thuật nhuộm (60;0)		3	1 - 3	36	1	2	55	Phạm T.Hồng Phượng	#VALUE!	X10.06	Thay bằng hình thức khác
DHHO11C	210442803	Kỹ thuật nhuộm (60;0)		4	1 - 3	36	1	2	55	Phạm T.Hồng Phượng	#VALUE!	X11.03	Thay bằng hình thức khác
DHHO11A	210444601	Tổng hợp hữu cơ (60;0)	1	4	1 - 3	36	1	2	54	Nguyễn Thị Nhật Thắng	#VALUE!	X11.01	Thay bằng hình thức khác
DHHO11ATT	250444601	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		2	6 - 8	36	1	1	32	Trần Thị Hồng	#VALUE!	B1.02 CLC	Thay bằng hình thức khác
DHHO11C	210444603	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		2	1 - 3	36	1	2	55	Nguyễn Thị Nhật Thắng	#VALUE!	X11.02	Thay bằng hình thức khác
DHHO11CTT	250444603	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		4	4 - 5	24	1	1	31	Nguyễn Thị Nhật Thắng	#VALUE!	B2.04 CLC	Thay bằng hình thức khác
DHHO11TT_HL	250442101	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học) (75;0)		8	3 - 5	45	1	1	30	Nguyễn Trọng Tăng	#VALUE!		GV tự tổ chức lịch thi
DHHO12BTT, Cac QTTB co hoc	250440502	Các quá trình và thiết bị cơ học (45;0)		3	9 - 11	45	1	1	28	Lê Nhất Thống	#VALUE!	B1.01 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO11A	210440701	Công nghệ chất hoạt động bề mặt (60;0)	1	4	4 - 5	24	2	1	55	Trần Hữu Hải	#VALUE!	X11.01	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO11B	210440702	Công nghệ chất hoạt động bề mặt (60;0)	1	6	1 - 2	24	2	1	55	Trần Hữu Hải	#VALUE!	X11.05	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO11C	210440703	Công nghệ chất hoạt động bề mặt (60;0)	1	2	4 - 5	24	2	1	54	Trần Hữu Hải	#VALUE!	X11.02	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO11D, CNSXPB	210441204	Công nghệ sản xuất phân bón (60;0)		5	6 - 7	36	2	1	47	Phạm Thành Tâm	#VALUE!	X11.04	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO11C, KTSX giay	210443003	Kỹ thuật sản xuất bột giấy và giấy (60;0)	3	5	3 - 5	24	1	2	43	Hoàng Minh Sơn	#VALUE!	X11.03	GV tự tổ chức lịch thi

DHHO11D	210443804	Phân tích vật liệu (60;0)		6	8 - 10	36	1	1	36	Lộ Nhật Trường	#VALUE!	X11.03	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO11DTT	250443804	Phân tích vật liệu (60;0)		6	6 - 7	24	1	1	32	Lộ Nhật Trường	#VALUE!	B2.03 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
CHHO8A, CHHO7B,	600410401	Các phương pháp phân tích hóa lý hiện đại (60;30)		7	1 - 4	15	1	1	0	Trần Thị Thanh Nhã	#VALUE!	B2.05 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
CDHO18A	110455101	An toàn công nghiệp (30;0)		3	6 - 7	30	1	1	13	Đoàn Mạnh Tuấn	#VALUE!	X11.02	GV tự tổ chức lịch thi
CDHO18A	110458701	Hóa học Polymer (30;0)		6	8 - 9	30	1	1	11	Phạm Văn Phước	#VALUE!	D10.03	GV tự tổ chức lịch thi
CDHO18A	110455601	Hóa lý 2 (Điện hóa học) (30;0)		6	6 - 7	30	1	1	11	Lê Thiết Hùng	#VALUE!	D11.02	GV tự tổ chức lịch thi
CDHO19A	110455201	Hóa đại cương (30;30)		3	4 - 5	30	1	1	26	Trần Thị Diệu Thuý	#VALUE!		GV tự tổ chức lịch thi
CDHO19A	110455301	Hóa vô cơ (30;0)		2	4 - 5	30	1	1	26	Nguyễn Thị Mai Thơ	#VALUE!		GV tự tổ chức lịch thi
CHHO8A, CHHO7B, HHHCTN	600401201	Hóa học hợp chất thiên nhiên (45;0)		7	12 - 14	45	1	1	0	Nguyễn Văn Bời	#VALUE!	B2.05 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
CHHOPT7A, CHHOPT7B,	600403101	Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm (30;0)		CN	7 - 8	30	1	1	0	Trần T.Thanh Thúy.	#VALUE!	B1.02 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
CHHOPT7A, CHHOPT7B, PPLM	600403901	Phương pháp lấy mẫu và xử lý mẫu nâng cao (30;0)		CN	9 - 11	30	1	1	0	Trần T.Thanh Thúy.	#VALUE!	B1.02 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
CHHOPT7A, CHHOPT7B, PTDP	600404401	Phân tích dược phẩm (30;0)		7	4 - 5	30	1	1	0	Nguyễn Văn Trọng	#VALUE!	B1.02 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
CHHOPT7A, CHHOPT7B,	600404701	Phương pháp phân tích nhiệt (30;0)		7	9 - 11	30	1	1	0	Văn Thanh Khuê	#VALUE!	B2.04 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
CHHOPT7A, CHHOPT7B, PTVL	600404601	Các phương pháp phân tích vật lý nâng cao (30;0)		7	6 - 8	30	1	1	0	Đoàn Văn Đạt	#VALUE!	B2.04 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
CHHOPT7A, CHHOPT7B, Tham	600403401	Thẩm định và phát triển phương pháp phân tích (30;0)		7	1 - 3	30	1	1	0	Nguyễn Văn Trọng	#VALUE!	B1.02 CLC	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO10_HL, HL2	210442201	Hóa lý 2 (Điện hóa học và Hóa keo) (60;0)		2	12 - 14	30	1	2	50	Văn Thanh Khuê	#VALUE!	A2.03	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO10_HL, HL2	210442201	Hóa lý 2 (Điện hóa học và Hóa keo) (60;0)		4	12 - 14	30	1	2	50	Trần Nguyễn Minh Ân	#VALUE!	A1.03	GV tự tổ chức lịch thi
2104419	210441906	Hóa hữu cơ (60;0)		2	12 - 14	30	1	1	40	Nguyễn Văn Sơn	#VALUE!		GV tự tổ chức lịch thi
2104419	210441906	Hóa hữu cơ (60;0)		4	12 - 14	30	1	1	40	Nguyễn Văn Sơn	#VALUE!		GV tự tổ chức lịch thi
DHHO12_HL, HPT_HL	210442401	Hóa phân tích (60;0)		3	12 - 14	30	1	2	50	Bùi Thị Thu Thủy	#VALUE!	A1.03	GV tự tổ chức lịch thi
DHHO12_HL, HPT_HL	210442401	Hóa phân tích (60;0)		5	12 - 14	30	1	2	50	Bùi Thị Thu Thủy	#VALUE!	A2.01	GV tự tổ chức lịch thi
DHTP13B	210461502	Hóa lý và hóa keo (30;0)		3	1 - 2	30	1	1	30	Trần Thị Mộng Loan	#VALUE!	X13.08	GV tự tổ chức lịch thi
DHTP13ATT_HL	250564101	Kỹ thuật thực phẩm 2 (30;30)	2	6	12 - 14	30	1	1	24	Trần Hoài Đức	#VALUE!	B4.09 CLC	GV tự tổ chức lịch thi